| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TP. BUÔN MA THUỘT**<br>TỈNH ĐẮK LẮK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-05-2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Văn Vĩ.
*Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm*
*2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung*

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17/05/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1022/2018/HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn: Ông Trần Mẫn L** (Có mặt).
Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
**2.Bị đơn: Bà Ngô Thị T-sinh năm 1975**(Vắng mặt)
Địa chỉ: 04 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Mẫn L trình bày:

Ông Trần Mẫn L và bà Ngô Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 22/12/2016. Trước khi ông L đăng ký kết hôn với bà T thì ông L, bà T đều có gia đình và đã ly hôn.Quá trình chung sống giữa ông L, bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông L còn nuôi 02 con riêng của vợ trước, bà T không có quan tâm, sự chia sẻ để nuôi 02 con của ông L dẫn đến vợ chồng cãi, chửi nhau. Bà T đã bỏ về sinh sống ở địa chỉ

04 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cùng chị gái là bà Ngô Thị Vi từ 02 năm nay.

Ông L xác định gia đình bà Ngô Thị T đi theo đạo thiên chúa giáo lên không chịu lên Tòa ký thuận tình ly hôn. Do vậy ông L yêu cầu Tòa án án xét xử cho ông ly hôn theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình theo quy định vì tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng.

Về con chung: Ông L, bà T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2]. Bị đơn bà Ngô Thị T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không thể hòa giải. Tuy nhiên qua xác minh bà T vẫn đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại 04 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Mẫn L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Ngô Thị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi kết hôn, ông Trần Mẫn L và bà Ngô Thị T sinh sống tại địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Sau đó vợ chồng có mâu thuẫn lên bà T chuyển về 04 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sinh sống do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Ngô Thị T không lên Tòa án làm việc không có lý do, không có ý kiến trình bày tiếp theo về các nội dung yêu cầu khởi kiện của ông L; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 03 tháng 05 năm 2019. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa ông Trần Mẫn L và bà Ngô Thị T là hợp pháp; trong thời gian chung sống, có sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng đến nhau ông L còn nuôi 02 con riêng của vợ trước, bà T không có sự chia sẻ để nuôi 02 con riêng của ông L dẫn đến cãi, chửi nhau, bà T đã bỏ về nhà tại Buôn Ma Thuột Ma Thuột sinh sống, từ lâu cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Như vậy, giữa ông Trần Mẫn L và bà Ngô Thị T không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng ông Trần Mẫn L và bà Ngô Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Ông Trần Mẫn L và bà Ngô Thị T không có con chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Mẫn L xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập tới.

[5]. Về án phí ông Trần Mẫn L là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Mẫn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Mẫn L được ly hôn với bà Ngô Thị T.

2. Về con chung: Ông Trần Mẫn L và bà Ngô Thị T không có con chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Mẫn L xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập tới.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trần Mẫn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0012466 ngày 22/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Văn Vĩ**

***Nơi nhận:***
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS h. Đại Từ, T. Thái Nguyên
-UBND xã T, h. Đ, T. Thái Nguyên.
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ